

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HS-PT
Ngày 17 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tổ Giang.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tâm; ông Khuru Để Dành.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thành Năng – Kiểm sát viên;

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2020/TLPT-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXPT-HS ngày 25 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C.

- *Bị cáo có kháng cáo:* A, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1987, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Q 1, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông E và bà G; có vợ là H và một con sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư C; nơi cư trú: số 3i9, khóm ĐT 9, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người bị hại:* Ông B, sinh năm 1961; nơi cư trú: ấp Q 1, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại:* Luật sư D; nơi cư trú: số 12 Trần Hưng Đạo nối dài, khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người làm chứng:*

Ông E; vắng mặt.

Bà G; vắng mặt.

Bà H; vắng mặt.

Ông I; vắng mặt.

Ông K; vắng mặt.

Ông L; vắng mặt.

Ông M; vắng mặt.

Ông N; vắng mặt.

Em P (N); vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của em P: Bà O; là mẹ ruột của em P; là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

(Trong vụ án, người bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 01/9/2019, A đi làm hồ về thấy B đang đốt vỏ xe và dây điện tại phần đất của B tại ấp Q 1, xã T, cách nhà A khoảng 03m gây ra khói và mùi hôi. Do sợ lửa cháy sang nhà, A yêu cầu B dập tắt lửa, B không đồng ý, nên A mở nước xịt tắt lửa và xịt vào người B làm ướt quần áo, B và A xảy ra cự cãi, được mọi người can ngăn. Khoảng 20 giờ cùng ngày, A đi uống cà phê về thì gặp B đang ở nhà nên nói B đừng đốt vỏ xe gần nhà A, nhưng B chửi thề, xảy ra cự cãi, thách thức đánh nhau với A. A vào nhà lấy 02 cây dao yếm, cán và lưỡi bằng kim loại màu đen dài 27,5cm và 28cm cầm trên 02 tay đi qua nhà B, lúc này B lấy 01 cây đục dài 40cm và 01 ống tiếp sắt dài 60cm cầm trên tay, A cầm dao đi đến chỗ B thì B bỏ cây đục và ống tiếp sắt xuống, A đưa dao kề vào má trái của B thì B thách thức, nên A chém vào vùng mặt B 01 cái rồi cầm dao đi về nhà. B được gia đình đưa đến Trung tâm y tế huyện C điều trị vết thương, ngày 09/9/2019 ra viện, yêu cầu xử lý A.

- Vật chứng thu giữ: 02 con dao màu đen bằng kim loại (01 con dao dài 27,5cm và 01 con dao dài 28cm), hiện đang tạm giữ để xử lý.

- Căn cứ Kết luận giám định pháp y về thương tích số 318/19/TgT ngày 22/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, đối với B: Sẹo má trái kích thước 2,5 x 0,1cm, lõm, lõm, tiếp màu da lành; sây sát thái dương trái không tồn tại; sẹo cằm trái kích thước 1,5 x 0,1cm, phẳng, tiếp màu da lành. Tỷ lệ tổn thương cơ thể 02%.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố, ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với A, để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSCM ngày 17 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo A về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ, cho bị cáo chấp hành án bên ngoài xã hội.

- Bị hại ông B, người làm chứng ông E, bà H, ông I, em P cung cấp lời khai như đã khai trong giai đoạn điều tra.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến sức khỏe của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cho nên, cần xử phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000 đồng bồi thường thiệt hại cho bị hại; chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt. Bên cạnh đó, bị hại có một phần lỗi. Bởi vì, mâu thuẫn là do bị hại đốt vỏ xe, dây điện ảnh hưởng đến những người trong gia đình bị cáo. Khi bị cáo nhắc nhở thì bị hại không sửa đổi mà còn thách thức bị cáo. Cho nên, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 14.300.000 đồng.

Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 02 con dao màu đen bằng kim loại bị thu giữ do không còn giá trị sử dụng.

- Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát cho rằng, mặc dù, bị hại có hành vi không phù hợp nhưng bị cáo xử sự không đúng quy định. Bị cáo sử dụng dao là hung khí nguy hiểm, qua nhà của bị hại gây thương tích cho bị hại thể hiện sự hung hãn. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề

xuất chấp hành hình phạt ở bên ngoài xã hội của bị cáo; xử phạt bị cáo như quan điểm mà đại diện Viện kiểm sát đã đề xuất.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên bố bị cáo A phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo A bồi thường cho ông B số tiền 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu, ba trăm nghìn đồng).

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/3/2020 bị cáo A có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 01/4/2020, bị cáo đã nộp số tiền bồi thường 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001242 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: bị cáo A kháng cáo trong hạn luật định, nội dung kháng cáo rõ ràng, nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ.

- Về nội dung vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ Kết luận giám định pháp y về thương tích số 318/19/TgT ngày 22/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, đối với B: Sẹo má trái kích thước 2,5 x 0,1cm, lõm, lõm, tiếp màu da lành; sây sát thái dương trái không tồn tại; sẹo cằm trái kích thước 1,5 x 0,1cm, phẳng, tiếp màu da lành. Tỷ lệ tổn thương cơ thể 02%. Quá trình giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và Kết luận giám định pháp y. Hành vi của bị cáo A đã đủ dấu hiệu định tội tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên phạt bị cáo 06 tháng tù là có căn cứ.

Giai đoạn phúc thẩm, bị cáo nộp số tiền bồi thường thiệt hại 10.000.000 đồng. Tại giai đoạn sơ thẩm, bị cáo có nộp số tiền bồi thường 2.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo kháng cáo và có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo: không có căn cứ để xem xét cho hưởng án treo theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; giảm từ 02 tháng đến 03 tháng tù cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư C phát biểu tranh luận: bị cáo đã gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ 02%, nhưng nguyên nhân xảy ra sự việc cũng có một phần lỗi bị hại. Về hoàn cảnh gia đình bị cáo: cha mẹ đều đã 75 tuổi, con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại, Luật sư D: không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đối đáp: hành vi của bị cáo đã xem thường sức khỏe của người khác, ảnh hưởng an ninh trật tự nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo. Vì vậy, Viện kiểm sát vẫn giữ ý quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Phiên tòa sơ thẩm xét xử ngày 18 tháng 3 năm 2020. Ngày 27 tháng 3 năm 2020, bị cáo A kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo A đã có hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại B với tỷ lệ tổn thương cơ thể 02% theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 318/19/TgT ngày 22/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang. Con dao bằng kim loại mà bị cáo sử dụng gây thương tích cho bị hại là hung khí nguy hiểm.

Quá trình giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, những tài liệu, vật chứng, kết luận giám định. Căn cứ quy định pháp luật hình sự, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “cố ý gây thương tích”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “cố ý gây thương tích” và xử phạt bị cáo về tội danh này theo điểm a, khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo:

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự); đồng thời xem xét áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đó là bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000 đồng bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại có một phần lỗi. Từ đó, Tòa án sơ thẩm xem xét lượng hình, tuyên phạt bị cáo 06 tháng tù, là mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: tình tiết bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000 đồng bồi thường thiệt hại cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xem là tình tiết khác và áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa chính xác.

Do vậy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang về việc giai đoạn phúc thẩm bị cáo nộp số tiền bồi thường thiệt hại 10.000.000 đồng. Tại giai đoạn sơ thẩm, bị cáo có nộp số tiền bồi thường 2.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ đó, Viện kiểm sát cho rằng đây là tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng là chưa phù hợp. Bởi lẽ, việc bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000 đồng bồi thường thiệt hại cho bị hại ở giai đoạn sơ thẩm và 10.000.000 đồng tại giai đoạn phúc thẩm, chỉ được xem là một tình tiết giảm nhẹ để xem xét khi lượng hình. Nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp thuận theo đề nghị của Viện kiểm sát xem đây là tình tiết giảm nhẹ mới thì sẽ dẫn đến xem xét 02 lần cho cùng một tình tiết giảm nhẹ. Mặt khác, quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự là quy định “có thể”, không phải là quy định “bắt buộc” phải áp dụng.

Bị cáo bị truy tố và xét xử hành vi phạm tội tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề xem xét, cân nhắc, tuyên phạt bị cáo 06 tháng tù (mức thấp nhất của khung hình phạt) là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Về kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo: hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện việc xem thường sức khỏe của người khác, làm ảnh hưởng an ninh trật tự và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội “có ý gây thương tích” tại địa phương, nên không đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

[2.3] Về số tiền bị cáo tự nguyện giao nộp 12.000.000 đồng (2.000.000 đồng ở giai đoạn sơ thẩm và 10.000.000 đồng ở giai đoạn phúc thẩm) để bồi

thường thiệt hại cho bị hại, theo Biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hội đồng xét xử xét thấy cần tạm giữ số tiền này để bảo đảm thi hành án.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: do giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo A.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo A phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Xử phạt: A: 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo A bồi thường cho ông B số tiền 14.300.000 (Mười bốn triệu, ba trăm nghìn) đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng do bị cáo giao nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001271 ngày 27/02/2020 và biên lai thu tiền số AA/2017/0001242 ngày 01/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để đảm bảo thi hành án đối với phần bồi thường cho bị hại.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2019/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa Hình sự;
- PV 10;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tổ Giang